

Bản án số: **152/2017/DS-PT**
Ngày: 28/9/2017
V/v: “*Yêu cầu mở lối đi qua bất
động sản liền kề*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý
Bà Võ Thị Thanh Phượng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Cẩm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:* Bà Vũ Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLPT-DS ngày 05/4/2017 về việc “*Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2016/DS-ST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2017/QĐ-PT ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị M**, sinh năm: 1967 (có mặt)
Nơi cư trú: đường T, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Vũ Đức C, sinh năm: 1970 (có mặt)
Nơi cư trú: đường K, P. R, Tp. V, Bà Rịa – Vũng Tàu.
2. *Bị đơn:* Anh **Lê Thanh C**, sinh năm: 1971 (vắng mặt)
Chị **Lưu Thị H**, sinh năm: 1972 (có mặt)
Nơi cư trú: ấp B – N - huyện C – Đồng Nai
3. *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Trần Thị Mộng T – VPLS T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt)
4. *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Đức Huyền L, sinh năm: 1971 và chị Huỳnh Thị T, sinh năm: 1972 (anh L có mặt, chị T vắng mặt)
Nơi cư trú: G, khu phố X, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.
5. *Người kháng cáo:* bị đơn chị Lưu Thị H, anh Lê Thanh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có tại hồ sơ, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Năm 2015, chị M nhận chuyển nhượng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 14 xã N của vợ chồng anh Lê Đức Huyền L và chị Huỳnh Thị T (thửa đất này có nguồn gốc là của bị đơn chị H, anh C chuyển nhượng cho anh L, chị T). Khi nhận chuyển nhượng, chị M không biết thửa đất 466, tờ bản đồ số 14 xã N không có lối đi vào (sau đây viết tắt là thửa đất 466).

Muốn vào thửa đất 466 thì phải đi qua thửa đất 166, tờ bản đồ số 14 xã N của vợ chồng anh Lê Thanh C và chị Lưu Thị H (sau đây viết tắt là thửa 166). Chị M đã gặp anh C – chị H đề nghị anh chị mở một lối đi qua thửa 166 nhưng phía anh C – chị H không đồng ý.

Chị Ngô Thị M yêu cầu anh C – chị H mở cho chị lối đi qua thửa đất số 166 của chị H, anh C. Vì lối đi này dọc theo triền suối, mùa mưa nước lớn chảy mạnh và hay lở đất, do vậy chị đề nghị mở lối đi có chiều ngang 3m, chiều dài đến cuối đất (147m) để thuận tiện cho người và phương tiện đi vào đất của chị (là thửa 466). Chị chấp nhận thanh toán giá trị đất và tài sản trên đất cho anh C – chị H là 60.098.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 19/5/2016).

- Bị đơn anh Lê Thanh C và chị Lưu Thị H không chấp nhận mở lối đi cho chị M. Nếu buộc phải mở đường thì anh chị chỉ chấp nhận chừa một phần đất cấp suối trên thửa 166, tờ bản đồ số 14 xã N bề ngang 01m, chiều dài từ mặt đường vào đến thửa đất 466 cho chị M làm con đường đi lại. Anh chị không chấp nhận việc đo đạc đất, không cho đếm cây trồng, đồng thời yêu cầu chị M phải thỏa thuận giá cả với anh chị thỏa đáng và làm hàng rào theo đúng yêu cầu của anh chị. Khi nào chị M thực hiện xong các yêu cầu này thì anh C chị H mới đồng ý chừa đất mở đường đi cho chị M và chấp nhận cho đo đạc đất, đếm cây trồng.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Đức Huyền L và chị Huỳnh Thị T trình bày:

Anh L với chị H là bạn bè, nên Chị H nhờ anh L đứng tên vay giúp tiền Ngân hàng B với số tiền là 500.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận làm thủ tục chuyển nhượng thửa 466 cho anh L, để anh L thế chấp thửa đất này làm tài sản đảm bảo đứng tên vay tiền Ngân hàng B, thời hạn vay tiền là 1 năm.

Sau khi vay tiền, hằng tháng anh C – chị H có trách nhiệm đưa tiền cho anh L để thanh toán lãi cho Ngân hàng B. Đất vẫn thuộc sự canh tác, quản lý của anh C – chị H. Anh L không vào thửa đất này nên không biết có đường đi hay không. Đôi bên thỏa thuận anh L chỉ đứng tên trên giấy CNQSD đất 01 năm, hết thời gian 1 năm, anh C - chị H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng B thì anh L làm thủ tục chuyển nhượng tên lại cho anh chị.

Anh C – chị H đưa tiền lãi được 6 tháng thì không có khả năng thanh toán cho ngân hàng. Anh C – chị H đồng ý chuyển nhượng thửa đất 466 cho người khác để thanh toán nợ gốc và nợ lãi mà anh L đứng ra vay giúp cho anh chị. Vì vậy, vợ chồng anh chị mới làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất này cho chị M. Toàn bộ chi phí chuyển nhượng, sang tên đều do chị M chịu. Việc này chị H, anh C đồng ý và không thắc mắc khiếu nại gì.

Vì anh C – chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng anh L, nên anh chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh chị với chị M.

- Tại bản án số 26/2016/DS-ST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ Điều 26, 35, 157, 165, 166, 227, 228 BLTTDS; Áp dụng Điều 50, 136 Luật Đất đai; điều 273, 275, 305, 688, 690 BLDS; Nghị quyết 01/2003/NQ – HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị M.

1. Buộc anh Lê Thanh C và chị Lưu Thị H phải chừa phần đất có diện tích 477,3m² thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 14 xã N cho chị Ngô Thị M làm con đường đi lại. Phần đất này có ranh mốc cụ thể như sau:

- Hướng Đông: giáp thửa đất 166, tờ bản đồ số 14 xã N của anh C – chị H với các mốc: Mốc 1 -14: 13,89m; Mốc 14 – 13: 53,87m; Mốc 13 -12: 29,17m; Mốc 12 – 11: 12,74m; Mốc 11 – 10: 28,42m.

- Hướng Tây: giáp con suối với các mốc: Mốc 3 – 4: 10,97m; Mốc 4 – 5: 54,52m; Mốc 5 – 6: 29,90m; Mốc 6 – 7: 13,10m; Mốc 7 – 8: 27,48m

- Hướng Nam: giáp thửa đất 466, tờ bản đồ số 14 xã N của chị Ngô Thị M với các mốc: Mốc 10 – 9: 1m; Mốc 9 – 8: 2,5m

- Hướng Bắc: giáp với đường nhựa liên xã N đi X với các mốc: Mốc 1 – 2: 1,38m; Mốc 2 – 3: 3,45m;

Theo “Đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính” số: 1007/2016 ngày 01/4/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh C.

2. Chị M phải có trách nhiệm thanh toán cho anh C – chị H số tiền trị giá 477,3m² đất thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 14 xã N và cây trồng có trên phần Dt đất này là 57.276.000 đồng cùng trị giá 01 chuồng heo đã bỏ hoang là 2.822.000 đồng. Tổng số tiền chị M phải thanh toán cho anh C – chị H là 60.098.000 đồng.

- Ngày 10/01/2017, bị đơn chị Lưu Thị H và anh Lê Thanh C kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: việc giải quyết vụ án không khách quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Anh C, chị H đề nghị hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị M.

* Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu:

Tại phiên tòa sơ thẩm, luật sư có gửi bài bảo vệ quyền lợi cho bị đơn Lưu Thị H với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn Ngô Thị M vì phía nguyên đơn có thể đi nhờ trên đất của người khác. Việc mở đường đi không được bị đơn chấp nhận vì vướng cây trồng, chuồng heo và cái ao của bị đơn nhưng không được Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét, làm ảnh hưởng quyền lợi kinh tế của bị đơn. Đồng thời, trước khi mở phiên tòa ngày 30/12/2016, bà H đã từ chối Luật sư T bào chữa, do vậy luật sư T và bà H đã lập thủ tục hủy bỏ việc bào chữa, nhưng bản án sơ thẩm nhận định đã tổng đạt hợp lệ nhưng tôi vẫn vắng mặt và căn cứ vào bài phát biểu của tôi đề ngày 17/8/2017 để ghi nhận ý kiến

bào chữa của luật sư T là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do vậy đề nghị hủy án sơ thẩm.

Ngoài ra tại thủ tục hòa giải tại địa phương thì biên bản hòa giải tại xã không hợp lệ vì không đủ thành phần theo quy định.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: thửa đất 466, tờ bản đồ số 14 xã N có các hướng tiếp giáp với suối và thửa 465, 166 thuộc tờ bản đồ số 14 xã N, chị M không có lối đi vào thửa đất này. Căn cứ điều 275 BLDS năm 2005 thì yêu cầu của chị M là hợp lý, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu mở đường đi cho chị M theo bản vẽ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh C. Chị M có trách nhiệm thanh toán cho chị H, anh C giá trị đất và các tài sản khác trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Lưu Thị H và anh Lê Thanh C làm trong hạn luật định nên được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng cũng như quan hệ pháp luật tranh chấp.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

- Về yêu cầu hủy hợp đồng của chị H, anh C: hồ sơ thể hiện thửa đất 466 tờ bản đồ 14 xã N có nguồn gốc là của chị H, anh C, các bên đã thỏa thuận chuyển nhượng cho anh L, chị T, sau đó anh L, chị T chuyển nhượng cho chị M. Quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm, chị M, anh C có thể hiện ý kiến muốn chuyển nhượng lại (tức chuộc lại đất) thửa đất số 466 và chị M đã đồng ý nhưng sau đó bị đơn không thực hiện sự thỏa thuận đó nên chị M thay đổi không đồng ý chuyển nhượng lại đất cho anh C chị H nữa. Các bên đương sự không ai có đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết giữa các bên nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị H, anh C yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng chị với anh L và giữa vợ chồng anh L với chị M, căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu này của chị H, anh C vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm nên không được xem xét, chấp nhận.

- Chị H anh C yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng không có chứng cứ chứng minh cấp sơ thẩm vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do vậy không chấp nhận yêu cầu này của chị H anh C.

- Tại phiên tòa, anh C, chị H không chấp nhận mở lối đi qua đất của anh chị vì cho rằng ảnh hưởng đến quyền lợi của anh chị.

Qua xem xét thửa đất 466 tờ bản đồ số 14 xã N (theo bản đồ mới năm 2014 là thửa số 05 tờ bản đồ số 13) của chị M bị vây bọc bởi suối và các bất động sản liền kề và không có lối đi vào, do vậy chị M yêu cầu được mở lối trên thửa đất 166 tờ bản đồ số 14 xã N (theo bản đồ năm 2014 là thửa số 30 tờ bản đồ số 8 xã N), đất này do anh C và chị H đứng tên quyền sử dụng. Qua xác minh khảo sát thực tế

thửa đất 466 nằm phía cuối và giáp với thửa đất 166 của anh C – chị H có mặt tiền tiếp giáp với đường nhựa xã N; thửa đất này (thửa cũ là 166) có diện tích 4.653,9m², là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm; có một phía giáp với suối, do vậy việc mở một lối đi giáp với triền suối như yêu cầu của chị M là phù hợp. Vì lối đi này một bên giáp với con suối lớn, chị H, anh C cũng thừa nhận mùa mưa nước chảy mạnh, có khả năng bị sạt lở cao, do đó việc mở đường chiều ngang 01 m như ý kiến của bị đơn sẽ gây khó khăn và nguy hiểm cho người sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ hiện trạng thực tế và quy định của pháp luật, tuyên buộc anh C và chị H mở lối đi trên bề mặt thuộc thửa đất 166 (theo bản đồ năm 2014 là thửa số 30 tờ bản đồ số 8), lối đi này có chiều ngang 3m, chiều dài 147 m, tổng diện tích là 477,3m² là có căn cứ đúng pháp luật (theo bản vẽ hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số: 1007/2016 ngày 01/4/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh C).

- Về việc thanh toán giá trị đất và tài sản trên đất:

Xét thấy tại cấp sơ thẩm, do chị H và anh C không hợp tác trong việc xác minh, định giá tài sản trên đất, nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ định giá đất theo giá địa phương và chuồng heo trên đất (tổng giá trị là 60.098.000 đồng) mà không thể định giá 01 cái ao và số cây cối trồng trên đất, đồng thời tuyên buộc chị Ngô Thị M thanh toán cho chị H, anh C 60.098.000 đồng là chưa đảm bảo, gây thiệt hại đến quyền lợi của chị H, anh C. Theo đơn yêu cầu của anh C, chị H (BL 391), ngày 27/7/2017, Công ty cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai đã tiến hành thẩm định giá đối với phần đất dự kiến mở đường cũng như các tài sản trên đất. Tại chứng thư thẩm định giá số 1991/TĐG-CT ngày 18/8/2017 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Đ xác định: trị giá 477,3m² đất là 71.595.000 đồng; cây xanh trị giá 21.961.000 đồng; công trình đã qua sử dụng (chuồng heo và ao cá) là 15.662.500 đồng, tổng giá trị tài sản là 109.200.000 đồng. như vậy sửa án sơ thẩm về phần thanh toán giá trị tài sản khi mở lối đi, buộc chị M có nghĩa vụ thanh toán cho anh C, chị H là 109.200.000 đồng.

Chị M được quyền quản lý, sử dụng phần đất làm lối đi; các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng để lập thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

+Án phí, chi phí tố tụng sơ thẩm:

-Án phí sơ thẩm:

Chị M có yêu cầu mở lối đi và được chấp nhận nên chị phải chịu 5% án phí sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho anh C chị H là 5.460.000 đồng (109.200.000 đồng x 5% = 5.460.000 đồng). Được khấu trừ số tiền 400.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 003379 ngày 29/01/2016 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện C, chị M phải nộp thêm 5.060.000 đồng.

- Chi phí tố tụng:

Về chi phí đo đạc, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, chi phí định giá tài sản: chị M phải chịu và chị đã nộp xong những chi phí này.

+ Án phí, chi phí tố tụng phúc thẩm:

Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị H, anh C được chấp nhận một phần nên anh chị không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho bị đơn tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng theo biên lai thu số 003857 ngày 10/01/2017 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện C.

- Chi phí tố tụng: chi phí thẩm định giá tại cấp phúc thẩm là 8.300.000 đồng (BL 403-408); chị H, anh C là người yêu cầu xem xét thẩm định giá nên anh chị phải chịu chi phí này, do chị M đã tạm ứng số tiền 8.300.000 đồng nên tuyên buộc chị H anh C có trách nhiệm thanh toán lại cho chị M số tiền trên.

[4] Ý kiến của Luật sư về việc bản án sơ thẩm có mâu thuẫn ở phần nội dung cho rằng luật sư không tham gia và không gửi bài phát biểu, nhưng tại phần nhận định lại có nêu bài phát biểu của Luật sư vào ngày 16/11/2016 là vi phạm tố tụng, xâm phạm quyền lợi của Luật sư T. Hồ sơ thể hiện Luật sư Trần Thị Mộng T có gửi “bài bảo vệ quyền lợi cho bị đơn Lưu Thị H trong vụ kiện yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề (BL 297) (văn bản ngày 16/11/2016). Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư và chị H cho rằng đôi bên có lập thủ tục hủy bỏ quyền bào chữa của Luật sư nhưng cả Luật sư và chị H đều không nộp cho Tòa án huyện C cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm tài liệu này, vì vậy Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không thể biết việc đôi bên đã hủy bỏ quyền bào chữa, nên trong bản án sơ thẩm vẫn nhận định đối với bài bảo vệ của Luật sư đã gửi ngày 16/11/2016. Tuy bản án sơ thẩm có sai sót giữa phần nội dung và phần nhận định nhưng không không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì vậy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm mà chỉ cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm. Các ý kiến bào chữa khác của luật sư bào chữa về việc không chấp nhận mở lối đi cho bị đơn không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ngoài ra cấp sơ thẩm cũng lưu ý viết chính xác số tờ, số thửa bản đồ khi đã được chỉnh lý theo bản đồ mới (bản đồ năm 2014) để việc tuyên án chính xác và chặt chẽ hơn.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 308, 309, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 50, 136 Luật Đất đai; Điều 273, 275, 305, 688, 690 Bộ luật dân sự (điều 254 BLDS 2015); Nghị quyết số 01/2003/NQ – HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lưu Thị H và anh Lê Thanh C, sửa một phần bản án sơ thẩm số 26/2016/DSST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện C,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị M, buộc anh Lê Thanh C và chị Lưu Thị H phải mở lối đi trên thửa đất số 30 tờ bản đồ số 8 (thửa cũ là thửa số 166, tờ bản đồ số 14) xã N, phần diện tích đất mở lối đi là 477,3m² (chiều ngang 3m, chiều dài 159,1m, có vị trí, hướng tiếp giáp như sau:

- Hướng Đông : giáp thửa đất 166 tờ bản đồ số 14 xã N của anh C – chị H.
- Hướng Tây: giáp con suối.
- Hướng Nam: giáp thửa đất 466, tờ bản đồ số 14 xã N của chị Ngô Thị M.
- Hướng Bắc: giáp với đường nhựa liên xã N đi Xuân Bảo.

Theo Đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số: 1007/2016 ngày 01/4/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh C.

2. Chị Ngô Thị M được quyền quản lý, sử dụng 477,3m² đất được giao làm lối đi có các hướng tứ cận như đã nêu trên.

3. Chị Ngô Thị M phải thanh toán giá trị đất và tài sản trên đất cho anh C và chị H với số tiền 109.200.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu hai trăm ngàn đồng).

4. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí, chi phí tố tụng sơ thẩm:

+ Chị M phải nộp 5.460.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 400.000 đồng tạm ứng ứng phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 003379 ngày 27/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Chị M còn phải nộp thêm 5.060.000 đồng.

+Về chi phí tố tụng: bản vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: chị M đã nộp và quyết toán xong.

- Án phí, chi phí tố tụng phúc thẩm:

Án phí phúc thẩm: chị H, anh C không phải chịu án phí phúc thẩm, chị H, anh C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu số 003857 ngày 10/01/2017 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện C

- Chi phí tố tụng: chị Lưu Thị H và anh Lê Thanh C phải chịu chi phí tố tụng là 8.300.000 đồng. Số tiền này chị Ngô Thị M đã tạm ứng nên buộc chị Lưu Thị H và anh Lê Thanh C phải trả lại cho chị M. Chị Ngô Thị M được nhận lại số tiền chi phí tố tụng là 8.300.000 đồng (Tám triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền án phí, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện C;
- Chi cục thi hành án dân sự Huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Kim Rết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm Phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Quý Võ Thị Thanh Phụng

Bùi Kim Rết